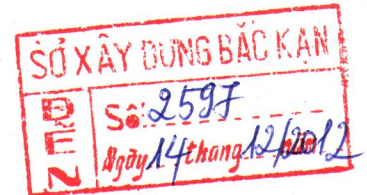


QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh, mở rộng
quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 25/01/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020; Quyết định số 2782/QĐ-UB ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể xây dựng trung tâm huyện Pác Nặm;

Căn cứ Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 691/TTr-SXD ngày 14/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm.

2. Địa điểm, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: Xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp xã Bằng Thành và xã Nhận Môn; Phía Nam giáp xã Cổ Linh; Phía Đông giáp xã Xuân La; Phía Tây giáp xã Giáo Hiệu.

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 5.336,53ha.

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng: 250ha.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỉ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch: 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỷ lệ bản đồ quy hoạch chung xây dựng: 1/2000.

4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch, động lực phát triển đô thị:

4.1. Tính chất: Là trung tâm huyện lỵ - trung tâm tổng hợp về kinh tế, hành chính, văn hóa, giáo dục, thương mại, dịch vụ của huyện.

4.2. Chức năng: Nâng cấp lên đô thị loại V (thị trấn), là đô thị hạt nhân có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội vùng huyện.

4.3. Động lực phát triển đô thị: Thương mại, dịch vụ và công nghiệp chế biến nông lâm sản.

5. Quy mô dân số, đất đai:

5.1. Quy mô dân số:

Hiện trạng dân số trung tâm xã Bộc Bó năm 2009 = 3.748 người.

Dự báo dân số: Ngắn hạn 2015 = 4.200 người; Dài hạn 2020 = 4.700 người; Định hướng 2030 = 5.500 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất xây dựng đô thị (nội thị):

Đất xây dựng đô thị hiện trạng: 47,4ha.

Giai đoạn dài hạn 2020: 97,13ha.

Định hướng năm 2030: 132,28ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật chủ yếu:

Căn cứ QCVN01: 2008/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng” và điều kiện cụ thể của trung tâm xã Bộc Bó; Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Hạng mục	Giai đoạn 2011 - 2020	Giai đoạn 2020 -2030
I- Đất xây dựng đô thị	120 ÷ 150 m ² / người.	100 ÷ 120 m ² / người.
* Đất dân dụng	70 ÷ 80 m ² / người.	60 ÷ 70 m ² / người.
- Đất ở	40 ÷ 50 m ² / người.	30 ÷ 35 m ² / người.
- Đất công trình công cộng	12 ÷ 14 m ² / người.	14 ÷ 15 m ² / người.
- Đất cây xanh, TDTT	4 ÷ 5 m ² / người.	5 ÷ 6 m ² / người.
- Đất giao thông	9 ÷ 11 m ² / người.	11 ÷ 14 m ² / người.
II- Các chỉ tiêu HT – KT		
- Cấp điện	200 W/ người.	330 W/ người.
- Cấp nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Thoát nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Rác thải	0,8 kg/người / ngày đêm	1 kg/người / ngày đêm
- Tỷ lệ giao thông / đất ĐT	18 %	20 - 23%
- Mật độ mạng đường chính đô thị	5 ÷ 6 Km/Km ²	6,5 ÷ 7,5 Km/Km ²

7. Hướng phát triển đô thị:

7.1. Hướng phát triển đô thị:

Căn cứ vào Đồ án quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó được phê duyệt năm 2003 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1890/QĐ-TTg ngày

14/10/2010; định hướng nâng cấp xã Bộc Bó thành thị trấn huyện lỵ của huyện Pác Nặm (đô thị loại V), hướng phát triển đô thị chủ yếu về hướng Bắc, Đông Bắc và hướng Tây:

Trục trung tâm đô thị (đường 258B): Cơ bản ổn định các khu chức năng đã có; cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp (tăng mật độ xây dựng; nâng chiều cao tầng). Quy hoạch chức năng: Đất ở, cơ quan, công trình công cộng, đất trung tâm thể dục thể thao, đất giao thông đối ngoại.

Phía Đông Bắc: Khai thác quỹ đất dọc đường đi xã Nhạn Môn và xã Bằng Thành, khu vực này quy hoạch đất ở, đất cây xanh và đất dự trữ phát triển.

Phía Nam: Khai thác quỹ đất dọc theo đường 258B đoạn đầu trung tâm đô thị, mở thêm đường mới phía Đông đô thị, phát triển quỹ đất ở, đất cơ quan, quân sự và dự trữ phát triển.

Phía Tây: Chủ yếu phát triển theo trục đường đi xã Cổ Linh, tạo quỹ đất phát triển đô thị; Quy hoạch chủ yếu đất ở, đất giáo dục, nhà ở xã hội, giao thông và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

7.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị:

Tổ chức không gian đô thị theo nguyên tắc phân khu vực quy hoạch:

+ Phân khu trung tâm: Gồm trục đường 258B đoạn qua đô thị và các trục đường nội bộ (bao gồm toàn bộ trung tâm hiện hữu); Bố trí các khu chức năng: Đất ở (ổn định, cải tạo, chỉnh trang), đất công trình công cộng, đất cơ quan hành chính, đất công viên cây xanh, thể dục thể thao, giao thông và đất công cộng dự trữ.

+ Phân khu phía Bắc: Gồm toàn bộ khu phía Bắc, tính từ cầu qua sông Bộc Bó đi xã Nhạn Môn; Bố trí các khu chức năng: Đất ở, công trình công cộng, giao thông, cây xanh và đất dự trữ phát triển.

+ Phân khu phía Nam: Gồm toàn bộ khu phía Nam, tính từ ngã ba rẽ vào trung tâm, trục đường tỉnh lộ 258B; Bố trí các khu chức năng: Đất ở, đất cơ quan, quân sự và dự trữ phát triển.

+ Phân khu phía Tây: Gồm toàn bộ phía Tây tính từ ngã tư đường rẽ đi xã Cổ Linh; Bố trí các khu chức năng: Đất ở, đất cơ quan, công trình dịch vụ công cộng, giao thông, đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, tiểu thủ công nghiệp và dự trữ phát triển đô thị.

7.3. Các trung tâm chức năng:

Trung tâm hành chính: Trụ sở cơ quan Huyện Ủy-HĐND-UBND bố trí ở khu vực hiện tại, giáp khu đất công viên cây xanh, thể dục thể thao. Các cơ quan cấp huyện như: Chi cục thi hành án, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát và Bảo hiểm xã hội huyện cải tạo nâng cấp ở khu vực hiện tại. Di chuyển một số cơ quan trong khu trung tâm như: Chi cục thuế chuyển về phía Tây Bắc giáp Ngân hàng nông nghiệp và Hạt kiểm lâm chuyển đến phía Nam, giáp trụ sở Điện lực.

Trung tâm dịch vụ thương mại: Bố trí ở khu vực chợ hiện tại, bao gồm Chợ Pác Nặm và Chợ mua bán trâu bò gia súc.

Trung tâm giáo dục: Bố trí ở phía Tây bao gồm trường THPT, trường THCS và trường PT Dân tộc nội trú.

Trung tâm công viên cây xanh, TDTT: Xác định ở phân khu trung tâm nằm dọc theo trục chính đô thị.

Khu tiểu thủ công nghiệp được bố trí ở khu vực phía Tây đô thị.

7.4. Tạo các không gian mở, điểm nhấn và các điểm cửa ngõ đô thị:

Cửa ngõ phía Nam tại đường mới phía Đông và đường đi Ba Bể.

Cửa ngõ phía Bắc tại ngã 3 đường rẽ vào đô thị và đường mới phía Đông.

Cửa ngõ phía Tây: Tại ngã 3 đường đi Khau Vai và đường đi xã Công Bằng.

Đường tỉnh lộ 258B đi qua đô thị mặt cắt 27m là trục không gian chính của đô thị; đồi núi xung quanh trung tâm xã chủ yếu giữ nguyên tạo thành điểm nhấn và kiến trúc cảnh quan đô thị miền núi.

8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

8.1. Đất ở:

Các khu ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang: Khai thác quỹ đất còn trống trong các khu ở, tăng mật độ, chiều cao bình quân và tăng hệ số sử dụng đất, phạm vi chủ yếu ở phân khu trung tâm và dọc các trục đường liên huyện.

Các khu ở mới : Phát triển chủ yếu ở khu vực phía Bắc, phía Nam, phân khu trung tâm, dọc đường đi xã Cổ Linh và dọc đường tránh phía Đông.

Nhà ở xã hội: Quy hoạch tại phía Tây đô thị thuộc thôn Nà Lặng đi Khâu Vai.

8.2. Đất công trình công cộng :

Các công trình giáo dục THPT, THCS, PT dân tộc nội trú ... tập trung ở khu vực phía Tây. Các công trình tiểu học, mầm non, dạy nghề được mở rộng, cải tạo, nâng cấp ở vị trí hiện tại.

Các công trình văn hoá: Bố trí tại phía Nam, khu vực đảo tròn quy hoạch, bao gồm: bảo tàng – thư viện, nhà văn hoá, triển lãm

Các công trình dịch vụ, thương mại : Bám theo trục ĐT 258B đoạn thuộc phân khu Trung tâm (trên cơ sở phát triển khu vực hiện hữu); phát triển thành trục dịch vụ thương mại trung tâm.

Các công trình hành chính các cấp, các công trình cơ quan: Bố trí chủ yếu ở phân khu Trung tâm, cơ bản ổn định ở vị trí hiện tại.

8.3. Đất cây xanh TĐTT: Bố trí tại phân khu Trung tâm, mở rộng, nâng cấp ở vị trí hiện tại.

8.4. Đất đặc biệt:

Khu vực an ninh quốc phòng bố trí ở khu vực phía Bắc dọc sông Bộc Bó.

Trụ sở Công an huyện và Ban chỉ huy quân sự huyện được mở rộng cải tạo ở khu vực hiện tại, phía Nam đô thị.

8.5. Đất dự trữ: Phân bố ở tất cả các phân khu, được khai thác theo các giai đoạn và theo yêu cầu phát triển đô thị.

8.6. Các loại đất không xây dựng được (núi cao, đất rừng...) nằm phân bố ở các phân khu, tạo cảnh quan không gian và cải thiện vi khí hậu trong đô thị.

8.7. Quy hoạch sử dụng đất:

Giai đoạn từ nay đến năm 2020: Căn cứ hiện trạng sử dụng đất của 03 thôn khu vực Trung tâm là: Nà Coóc, Đông Lèo và Nà Lặng để Quy hoạch sử dụng đất xây dựng các khu chức năng chính đô thị, như các công trình dịch vụ đô thị cơ bản (hệ thống giáo dục - đào tạo, hệ thống y tế, hệ thống thể dục thể thao, hệ thống văn hoá, chợ, bến xe

v.v...); Các công trình hành chính - kinh tế; các khu vực xây dựng nhà ở; Các khu vực cây xanh sinh thái, cây xanh cảnh quan, vườn hoa đô thị; Mạng lưới giao thông trung tâm và đối ngoại; Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị; Các khu vực đặc biệt (an ninh - quốc phòng) và đất công cộng đối với các điểm dân cư nông thôn.

Giai đoạn sau năm 2020: Thôn Nà Phần và Nà Phầy sẽ xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng Đô thị như khu vực Trung tâm.

Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau.

Bảng quy hoạch sử dụng đất trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm

STT	Hạng mục	Hiện trạng		Dãi hạn 2020		Định hướng 2030	
		ha	%	ha	%	ha	%
	Tổng diện tích đất quy hoạch (A+B)	250	100	250	100	250	100
A	Đất xây dựng Đô thị	47,4	18,96	97,13	38,85	132,28	52,91
I	Đất dân dụng	42,4	16,96	89,41	35,76	124,56	49,82
1	Đất ở	18,82	7,53	28,38	11,35	42,1	16,84
2	Hệ thống Giao đực- đào tạo	3,92	1,57	5,75	2,30	7,42	2,97
3	Hệ thống Y tế	2,3	0,92	2,3	0,92	2,3	0,92
4	Trung tâm Văn hóa – TDTT	5,67	2,27	8,18	3,27	11,16	4,46
5	Chợ – Thương mại	1,7	0,68	1,7	0,68	1,7	0,68
6	Dịch vụ công cộng đô thị khác	0,58	0,23	2,0	0,8	6,09	2,44
7	Đất cây xanh sinh thái cảnh quan	--	--	14,68	5,87	21,81	8,72
8	Đất giao thông	9,41	3,76	26,42	10,57	31,98	12,79
II	Đất ngoài dân dụng	5,0	2,0	7,72	3,09	7,72	3,09
1	Đất cơ quan	3,32	1,33	5,53	2,21	5,53	2,21
2	Đất quân sự	1,58	0,63	1,58	0,63	1,58	0,63
3	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,1	0,04	0,61	0,24	0,61	0,24
B	Đất khác	202,6	81,04	152,87	61,15	117,72	47,09
1	Đất dự trữ phát triển	--	--	40,36	16,14	40,36	16,14
2	Đất sông suối, mặt nước	12,79	5,12	12,79	5,12	12,79	5,12
3	Đất nông nghiệp	189,8	75,92	99,72	39,89	64,57	25,83

9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

9.1. San nền và thoát nước mưa:

Xác định cao độ khống chế của đô thị là $H = 280.5\text{m}$ so với mực nước biển.

Đối với khu vực xây dựng hiện trạng, cơ bản giữ nguyên cao độ.

Cao độ các nút giao thông được xác định phù hợp với tự nhiên và mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện nước tự chảy.

Hạn chế san gạt đồi núi; chủ yếu cân bằng đào đắp tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường.

Giải pháp thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế riêng rẽ với mạng lưới thoát nước thải; Hướng thoát nước mưa chính là đổ vào Sông Bộc Bó; Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu theo các tuyến công và mương chính được bố trí dọc hai bên đường giao thông (trên vỉa hè); bố trí các giếng thu, hố ga; độ dốc thiết kế $> 0,005$.

9.2. Quy hoạch giao thông:

9.2.1. Giao thông đối ngoại (mở rộng, nâng cấp một số tuyến sau):

Tuyến tỉnh lộ 258B hướng từ Bắc Kạn đến trung tâm đô thị lộ giới 9,5m, phạm vi ngoài khu vực quy hoạch.

Tuyến tỉnh lộ: Bộc Bó - Công Bằng - Cổ Linh đoạn qua trung tâm đô thị có lộ giới 16,5m.

Các tuyến tỉnh lộ: Bộc Bó - Nhạn Môn, Bộc Bó - Bằng Thành đoạn qua trung tâm đô thị có lộ giới 10,5m.

9.2.2. Giao thông khu vực trung tâm:

Khu vực Trung tâm hiện nay có mạng lưới giao thông đã xây dựng theo quy hoạch, với chiều dài khoảng 3,5km. Quy hoạch thêm một số tuyến đường nội bộ theo như đồ án quy hoạch đã đề cập.

Đường trục chính đô thị có lộ giới 27m.

Đường khu vực có lộ giới 16,5m.

Đường phân khu vực có lộ giới 11,5m.

Quy hoạch mở mới đường phía Đông, hướng từ phía Nam đến Bắc có lộ giới 16,5m.

Xây dựng tuyến đường nội bộ hướng từ phía Tây đến Bắc có lộ giới 10,5m.

Đường nội bộ các khu ở có lộ giới 10,5m và lộ giới 5m.

9.2.3. Bến xe (giao thông tỉnh):

Bố trí 01 bến xe tại đường trục chính đô thị, giáp trung tâm thể dục thể thao có quy mô diện tích khoảng 2.715m^2 .

Ngoài ra tổ chức hệ thống bãi đỗ xe tại các trung tâm thương mại, trung tâm công cộng lớn đáp ứng yêu cầu.

9.3. Quy hoạch định hướng cấp điện:

Nhu cầu dùng điện: Giai đoạn I = 598 KVA, giai đoạn II = 1480 KVA.

Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện Quốc gia cung cấp thông qua trạm 110KVA – E26.1 Bắc Kạn.

Lưới điện:

+Lưới 35KV: Nhánh tuyến điện nổi 35KV đi qua trung tâm được nắn chỉnh một số đoạn.

+ Trạm lưới 35(22)/0,4 KV: Công suất và vị trí của các trạm biến áp phân phối 35(22)/0,4kV được tính toán dựa trên công suất của phụ tải trạm phục vụ, vị trí của trạm nằm ở gần trung tâm của phụ tải. Bán kính phục vụ của trạm biến áp phân phối trung bình là 300m, nhưng không vượt quá 500m.

+ Lưới hạ áp 0,4KV: Đối với mạng lưới 0,4KV hiện có giữ nguyên để cung cấp điện. Cải tạo, nâng cấp các tuyến 0,4KV có tiết diện bé để đảm bảo cung cấp điện cho đô thị. Đường dây 0,4KV bố trí đi nổi.

+ Lưới chiếu sáng: Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng của đô thị, tất cả các đường có mặt cắt >3,5m đều được chiếu sáng và dùng cáp ngầm. Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4KV cấp điện cho sinh hoạt.

9.4. Quy hoạch cấp nước:

Tiêu chuẩn cấp nước tính cho đô thị loại V.

+ Giai đoạn đầu: 80 lít/người/ngày đêm (với 80% dân đô thị được cấp nước).

+ Giai đoạn dài hạn: 100 lít/người/ngày đêm (với 90% dân đô thị được cấp nước).

Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn dài hạn là: 600 (m³/ngđ).

Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước sinh hoạt cho đô thị là nước mặt, kết hợp với hệ thống thủy lợi khai thác tại Bó Lục, phía Nam đô thị.

Nhà máy cấp nước: Được quy hoạch tại Bó Lục.

Mạng lưới cấp nước: Thiết kế mạng cấp nước chủ yếu là mạng lưới vòng, có kết hợp mạng nhánh; Hệ thống đường ống phân phối được bố trí theo quy hoạch đi trên các hệ đường giao thông đến các khu dân cư; Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt theo quy phạm.

9.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Thoát nước thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt lấy bằng 80% lưu lượng nước cấp; Tổng lượng nước thải sinh hoạt giai đoạn dài hạn là: 480m³/ngđ.

Mạng lưới thoát nước: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng rẽ với hệ thống thoát nước mưa; Trạm xử lý nước thải đặt tại phía Tây đô thị và nằm cuối hướng gió chính; Nước thải công nghiệp, Bệnh viện yêu cầu xử lý riêng đạt tiêu chuẩn quy phạm mới được phép xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực.

Quản lý chất thải rắn: Chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt là: 1kg/người/ngđ; Tổng lượng chất thải rắn giai đoạn dài hạn là 3.300kg/ngđ.

Giải pháp thu gom chất thải rắn: Tổ chức thu gom chất thải rắn tại các nhóm dân cư, cơ quan, công cộng trong bằng các phương tiện thu gom, sau đó rác thải được tập kết và vận chuyển đến bãi rác. Theo Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 sẽ xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn đảm bảo vệ sinh môi trường tại thôn Khuổi Ổ, xã Nhận Môn, huyện Pác Nặm, cách trung tâm xã 3,5km (diện tích 2,4ha). Trước mắt thu gom rác về vị trí nêu trên và xử lý theo phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh.

Quy hoạch nghĩa trang: Quy hoạch tại khu vực thôn Đông Lò, bản Khuổi Phùm và thôn Nà Coóc, cách Trung tâm xã khoảng 1,5km về phía Nam.

10. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

Tôn trọng môi trường cảnh quan, phát huy tối đa ưu thế về không gian cây xanh, đồi núi, mặt nước, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa, thân thiện với môi trường và giữ gìn bản sắc vùng miền.

Tuân thủ các quy định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt trong quá trình lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng và trong quá trình quản lý xây dựng theo quy hoạch về chức năng trong khu quy hoạch, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, chiều cao khống chế, vị trí khoảng cách các công trình ngầm...

Các công trình được đầu tư xây dựng trong đô thị, thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch cần thiết kế theo hướng hiện đại, kiến trúc đẹp kết hợp yếu tố bản địa, tạo nét đặc sắc của địa phương và đảm bảo bền vững.

Mật độ xây dựng khu cây xanh không quá 5%, công trình công cộng không quá 40%, các yêu cầu khác theo quy định.

11. Các vấn đề về quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch các khu chức năng đặc biệt về an ninh quốc phòng cần tuân thủ các quy định của quốc phòng. Lưu ý quỹ đất để xây dựng các khu vực phòng thủ, khu sơ tán, trận địa quân sự, các vị trí địa hình quan trọng đã được Bộ Quốc phòng xác định để quy hoạch riêng cho đất quốc phòng, an ninh.

Quy hoạch các bãi tập cho dân quân tự vệ và đảm bảo bí mật cho các khu quân sự...

12. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

Các Đồ án quy hoạch xây dựng đều phải có đánh giá môi trường chiến lược, nhằm kiểm soát môi trường và các tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Các dự án đầu tư xây dựng công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và trong quá trình vận hành để bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thường xuyên duy tu, bảo trì, quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, Nghĩa trang vv...

Có biện pháp an toàn về sử dụng hóa chất, chất độc hại, chất thải nguy hại, chất thải bệnh viện vv...

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, quan trắc môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Khai thác tài nguyên một cách hợp lý trong đó có khai thác đất, đá, cát sỏi, vật liệu xây dựng cần có phương án cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định.

13. Chương trình ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện:

13.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

Chuẩn bị kỹ thuật: San nền khu vực xây dựng các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị (các công trình trọng điểm).

Giao thông:

+ Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông đối ngoại sau: Tuyến tỉnh lộ 258B hướng từ Bắc Kạn đến Trung tâm đô thị; Tuyến tỉnh lộ Bộc Bó - Công Bằng, Cồ Linh đoạn qua trung tâm đô thị; Các tuyến huyện lộ (Bộc Bó - Nhạn Môn, Bộc Bó - Bằng Thành đoạn qua trung tâm đô thị).

+ Giao thông khu vực trung tâm: Xây dựng mới một số tuyến đường theo quy hoạch; Xây dựng kéo dài đường trục chính và đảo tròn tại ngã tư giao với đường nội bộ.

Cấp điện: Điều chỉnh mở rộng nguồn cấp điện; Di chuyển tháo dỡ một số đoạn đường dây theo đúng quy hoạch và ngầm hóa một số khu vực; Điều chỉnh, xây dựng lắp đặt lại một số trạm biến áp phù hợp với quy mô công suất của quy hoạch; Bổ sung hệ thống chiếu sáng cho các trục đường đô thị mới được đầu tư xây dựng hoàn thiện.

Cấp nước: Xây dựng Nhà máy cấp nước tại Bó Lục với công suất 600m³/ngày đêm đảm bảo cung cấp nước cho đô thị; Từng bước hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống cấp nước theo nguyên tắc mạch vòng, kết hợp mạch nhánh, đảm bảo cấp nước theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của dân cư.

Thoát nước thải: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của đô thị.

Rác thải: Đầu tư hệ thống thu gom rác thải, phân loại rác; Xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn tại thôn Khuổi Ổ, xã Nhạn Môn hiện đang đầu tư xây dựng.

Nghĩa trang: Đầu tư xây dựng nghĩa trang tại khu vực thôn Đông Lòi, bản Khuổi Phùm và thôn Nà Coóc, cách Trung tâm xã khoảng 1,5km về phía Nam.

Ưu tiên phát triển một số dự án khu dân cư, công trình công cộng, dịch vụ thương mại, ... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

13.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn tài trợ, vốn huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ khai thác hạ tầng; Vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp...

14. Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch: 1.282.729.000, đồng. (Một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Trong đó: + Chi phí khảo sát: 577.395.000, đồng.

+ Lập quy hoạch chung xây dựng: 705.333.791, đồng.

(Chi tiết các khoản chi phí: Theo nội dung Tờ trình số 691/TTr-SXD ngày 14/11/2012 của Sở Xây dựng).

Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này thay thế phần tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch đã ghi tại Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm.

15. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng sau khi được Sở Xây dựng xác nhận thẩm định, UBND huyện có trách nhiệm bàn giao cho các đơn vị đã ghi tại Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của UBND tỉnh và bàn giao cho Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch 01 bộ để các đơn vị lưu trữ và thực hiện.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ.

1. Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trước mắt tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa sau khi đồ án quy hoạch chung được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND huyện Pác Nặm, Chủ tịch UBND xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (19b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Du

